TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI

Bản án số 05/2019/DS-ST
Ngày 05-11 -2019
"v/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mỹ Lệ và bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*:** ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2019/TLST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ *Bị đơn:* Ông Lê Văn G, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Ngọc H trình bày:

Trước đây ông Lê Văn G có mua hàng hóa, máy móc của tôi và nợ lại số tiền tính đến ngày 04/02/2019 là 17.686.000 đồng *(Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng)*, ông Lê Văn G và tôi không thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể. Tuy nhiên, lâu sau đó không thấy ông G trả tiền nợ thì tôi đã đi đòi và mặc dù tôi đã nhiều lần yêu cầu ông Lê Văn G phải trả nợ cho tôi nhưng ông Lê Văn G vẫn không trả thêm bất cứ khoản tiền nào.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn G phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền còn nợ là 17.686.000 đồng *(Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng)*, tôi không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

2. Bị đơn ông Lê Văn G đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tung như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Lê Văn G cố tình trốn tránh, không có mặt. Nên không có bản tự khai, trình bày hay ý kiến gì.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là:

Căn cứ vào chứng cứ giấy ghi mua bán hàng vào ngày 25/7/2018, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định giữa ông H và G có xác lập hợp đồng mua bán tài sản cụ thể là ông G nợ tiền mua hàng của ông H đến ngày 25/7/2018 tổng số thành tiền là 24.686.000đ, nhưng đến ngày 04/2/2019 ông H đã nhận tiền của ông G là 7.000.000đ. Như vậy hiện nay ông G còn nợ tiền mua một số mặt hàng của ông H tổng thành tiền là 17.686.000đ. Giấy mua hàng đều có chữ ký của ông G.

Như vậy, việc ông G xác lập giao dịch dân sự với ông H là có thật, các bên đã thỏa xác lập hợp đồng mua bán tài sản, Nhưng không xác đinh thời hạn trả nợ và không có lãi. Đây là hợp đồng mua bán tài sản không có kỳ hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 440 BLDS năm 2015. Do vậy ông H khởi kiện buộc ông G trả số tiền 17.686.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với ông G, trong thời hạn chuẩn bị xét xử bị đơn ông G mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa hôm nay bị đơn G vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có bất cứ lời khai, chứng cứ nào trong hồ sơ. Do vậy không có cơ sở để xem xét.

Căn cứ Điều 278, 280, 430, 434, 440 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/ 2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Ngọc H, buộc bị đơn ông Lê Văn G phải trả số tiền là 17.686.000đ.

Về án phí: Ông G phải chị án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản quy định tại điểm 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và nguyên đơn ông Hồ Ngọc H khởi kiện bị đơn ông Lê Văn G có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn ông Lê Văn G không đến Tòa án để viết bản tự khai, không tham gia các phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa và các hoạt động tố tụng khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc ông Lê Văn G nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và còn gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Ông Lê Văn G phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ là "giấy chốt nợ" được lập thành văn bản trên giấy kẻ ngang vào ngày 25/7/2018 có chữ ký của ông Lê Văn G mà nguyên đơn ông Hồ Ngọc H đã cung cấp cho Tòa án, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định: trước đây ông Hồ Ngọc H và ông Lê Văn G có xác lập giao dịch mua bán tài sản là máy móc và hàng hóavới tổng số tiền còn nợ là 24.686.000 đồng, nhưng ông G chưa trả tiền cho ông H. Đến ngày 04/02/2019 thì ông G trả cho ông H được 7.000.000 đồng, còn nợ lại 17.686.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở tin rằng việc ông Lê Văn G có xác lập giao dịch dân sự với ông Hồ Ngọc H là có thật. Khi xác lập giao dịch mua bán tài sản là máy móc và hàng hóa thì giữa các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không xác lập bằng hợp đồng cụ thể, sau đó ông H có viết giấy chốt nợ để ông G ký vào nhưng cũng không xác định thời gian trả nợ cụ thể cho nên ông H có quyền yêu cầu ông G phải trả nợ bất kỳ lúc nào nhưng phải báo trước cho ông G một thời gian hợp lý theo quy định tại Điều 432 của Bộ luật dân sự. Ông H đã nhiều lần yêu cầu ông G trả nợ nhưng ông G không chịu trả. Cho nên, việc ông H khởi kiện ông G là đúng với quy định tại các Điều 280, 281, 282, 285 và 290 của Bộ luật dân sự về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Do vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông G phải trả cho ông H số tiền nợ gốc đã mua hàng hóa, máy móc còn lại là: 17.686.000 đồng *(Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng).*

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông H được chấp nhận nên bị đơn ông G phải chịu phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 280, 351, 357, 430, 431, 433, 434 và 440 của Bộ luật dân sự 2015,Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Lê Văn G có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Hồ Ngọc H số tiền còn nợ là 17.686.000 đồng *(Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng).*

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2.Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị đơn ông Lê Văn G phải có nghĩa vụ nộp 17.686.000đồng x 5% = 884.300 đồng *(Tám trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Hồ Ngọc H toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí trước đây là 442.150 đồng *(Bốn trăm bốn mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng)* theo biên lai thu số 0006117 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/11/2019), còn bị đơn ông Lê Văn G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (03 bản);
- Tòa án tỉnh Gia lai (01 bản);
- VKSND h Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đố Khắc Toản